

Số: 134/2026/QĐST-DS

Vĩnh Long, ngày 23 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 15 tháng 7 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án dân sự thụ lý số: 177/2026/TLST - DS ngày 10 tháng 4 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1967. Nơi cư trú: Ấp B, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Huỳnh Thanh S, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Ấp A, xã M, tỉnh Vĩnh Long – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm T2 tỉnh Vĩnh Long.

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Ấp B, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Loan T1, sinh năm 1997. Nơi cư trú: B, khu phố B, phường P, tỉnh Vĩnh Long.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị Hồng V có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền 295.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi lăm triệu đồng).

Thời gian và cách thức trả: Kể từ khi Quyết định thoả thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T không yêu cầu tính lãi chậm trả phát sinh từ khi thụ lý đến khi giải quyết xong vụ án.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự có giá ngạch: 7.375.000 đồng (Bảy triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Bà **Nguyễn Thị Hồng V** có nghĩa vụ chịu 3.687.500 đồng (Ba triệu, sáu trăm tám mươi bảy ngàn, năm trăm đồng).

Ông **Nguyễn Văn T** có nghĩa vụ chịu 3.687.500 đồng (Ba triệu, sáu trăm tám mươi bảy ngàn, năm trăm đồng) nhưng do ông **T** là người có công với cách mạng nên được miễn toàn bộ án phí được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 9 – Vĩnh Long;
- Phòng THA DS khu vực 9 – Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Văn Phương